

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2021
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn T và ông Phạm Anh T1

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê M, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX/HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa 09/2021/QĐST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991.

HKKT: Thôn N, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền lợi của anh H: Ông Nguyễn Hồng Đ- Luật sư của công ty Luật Phú Đức – Đoàn luật sư Hà Nội

Và bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

HKKT: Thôn N, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội

Nơi ở: Thôn T, xã C, huyện T1, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị T, đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã C, huyện P. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do chị T

luôn nghi ngờ anh không chung thủy làm mất niềm tin ở nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hạnh phúc không còn, anh H đề nghị được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có hai cháu là Nguyễn Bích H sinh ngày 12/11/2018 và Nguyễn Tuấn H1 sinh ngày 12/02/2020. Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 và giao chị T có nuôi dưỡng cháu H2, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Không có gì, anh không đề nghị Tòa xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H là ông Nguyễn Hồng Đ có cùng quan điểm về việc kiện với nguyên đơn, đề nghị Tòa chấp nhận.

Về phía bị đơn, chị Nguyễn Thị T xác nhận: Về hôn nhân, anh chị kết hôn là tự nguyện nhưng chỉ hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn khi anh ở cùng chị tại quê nhà vợ ở C, T, sau đó thì anh H bỏ về quê ở C1 và công khai cặp bồ với người khác. Xác định, anh H không còn tình cảm với mình và chị cũng không còn yêu thương anh nữa nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T xác nhận, anh chị có 02 cháu là Nguyễn Bích H và Nguyễn Tuấn H1, đều dưới 36 tháng tuổi, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa xét.

Tại phần hỏi, các bên giữ nguyên quan điểm về việc kiện.

Tại phần tranh luận, đối đáp: Các bên thay đổi quan điểm về nuôi dưỡng con chung. Theo đó, chị T đề nghị giao cả 02 con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H nhất trí với yêu cầu của chị T và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của các bên đề nghị được thuận tình ly hôn. Giao các con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Không xét quan hệ tài sản chung vợ chồng. Anh H phải chịu án phí ly hôn, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện P, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về Nội dung:

Về Hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T, có một cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được thể hiện bằng việc họ đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 14/5/2018. Sau khi làm lễ cưới theo phong tục tập quán thì họ về chung sống với nhau ngay. Tuy nhiên, thời gian hòa thuận, hạnh phúc chỉ kéo dài được đến đầu năm 2020 thì đã phát sinh mâu thuẫn, bởi chị T luôn nghi ngờ anh H không chung thủy, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng và đến tháng 5/2020 thì vợ chồng chính thức ly thân. Tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận hạnh phúc không có, tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và đều mong muốn được ly hôn. Xét mong muốn của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận.

Về con chung: Các bên xác nhận, vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Bích H sinh ngày 12/11/2018 và Nguyễn Tuấn H1 sinh ngày 12/02/2020. Hiện tại chị T đang chăm sóc cháu H và anh H1 đang chăm sóc cháu H2. Tại phiên tòa, các bên vẫn tranh chấp về quyền nuôi con, phải đến cuối phần tranh luận và đối đáp, các đương sự mới thỏa thuận được việc nuôi dưỡng con chung, khi chị T thay đổi quan điểm đề nghị giao cả 02 cháu cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để các cháu có sự gắn kết trong quan hệ tình cảm chị em. Anh H chấp nhận yêu cầu của chị T, cam kết sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chu đáo về mọi mặt. Xét sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Tòa chấp nhận, giao các cháu Nguyễn Bích H và Nguyễn Tuấn H1 cho anh H2 trực tiếp được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị T đều không yêu cầu xem xét, nên Tòa tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi cho cho chị T1 đến khi anh H1 có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật

Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Anh H, chị T đều xác nhận không có gì, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Tòa không xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T.

- **Về con chung:** Giao cả hai con chung là Nguyễn Bích H sinh ngày 12/11/2018 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 12/02/2020 cho anh Nguyễn Văn H2 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi anh H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản, công nợ chung vợ chồng:** Các bên không yêu cầu Tòa xét, Tòa không xét,

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006053 ngày 04/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội. Anh H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện P
- Chi cục THA huyện P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Q

